

Bản án số: 70/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2021
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH - TỈNH BẠC LIÊU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trương Hồng Diễm**

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Phạm Thị Nhâm

2/. Ông Nguyễn Minh Hoàng

Thư ký phiên tòa: **Ông Trương Quốc Đại** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH tham gia phiên tòa: **Ông Trần Trung Kiên**, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 74/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp yêu cầu ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

+Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm 2001

Địa chỉ: ấp 5, thị trấn GH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

+Bị đơn: Anh Hồ Minh T, sinh năm 1996

Địa chỉ: ấp LC, xã ĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2021, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Mỹ L xác định giữa chị và anh Hồ Minh T, chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 03/3/2020 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị L trình bày: sau khi cưới nhau thì chị về làm dâu nhà anh T, khi chị mang thai được 03 tháng, do bị thai hành nghén không ăn uống được nên sức khỏe rất yếu, nhưng anh T và gia đình anh T không ai quan tâm lo lắng,

thăm hỏi chị. Do đó chị có điện cho cha mẹ ruột chị xuống rước chị về nhà chăm sóc, dưỡng thai. Trong thời gian chị về nhà cha mẹ chị để dưỡng thai thì anh T và gia đình anh T không ai điện thoại hay đến thăm hỏi chị, tất cả mọi chi phí sinh đẻ, nuôi con là do cha mẹ chị lo hết. Khi chị sinh con thì anh T có lên thăm vài lần nhưng lên chỉ ôm con chứ không nói gì đến chị, gia đình 02 bên có hòa giải hàn gắn nhưng anh T cũng không thể hiện thiện chí muốn hàn gắn. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Minh T.

Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ L xác định trong thời gian vợ chồng chung sống có với nhau 01 người con chung, tuy nhiên khi chị sinh con, anh T không quan tâm và giấy tờ anh T giữ nên chị không thể đăng ký khai sinh cho con, nên hiện cháu vẫn chưa có giấy khai sinh, chị đặt tên con là Lê Trọng Nh, cháu Nh, sinh ngày 25/12/2020, hiện chị L đang nuôi con. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: chị Lê Thị Mỹ L xác định ngày xuống mối mẹ chồng có cho 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 0.5 chỉ, ngày cưới dì chồng có cho 01 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng 0.5 chỉ; mẹ chồng có cho đôi bông tai vàng 18k nhưng chị không biết trọng lượng bao nhiêu và 01 chiếc nhẫn vàng 18k trọng lượng 0.3 chỉ. T bộ số vàng cưới này sau khi cưới về thì mẹ chồng chị đã mượn lại hết. Khi ly hôn chị L không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: chị Lê Thị Mỹ L xác định vợ chồng không có nợ chung nên khi ly hôn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với anh Hồ Minh T: Mặc dù anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh T theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Hồ Minh T chưa chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Giữa chị L và anh T kết hôn hoàn T tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, nay chị L yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên trong thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho đến tại phiên tòa hôm nay giữa chị L và anh T vẫn không tìm được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T là có căn cứ.

Về nuôi con chung: Trong khoảng thời gian chị L và anh T sống ly thân thì người con chung tên Lê Trọng Nh, sinh ngày 25/12/2020 do chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...”, tính đến thời điểm xét xử cháu Nh được khoảng 06 tháng tuổi. Do đó, tiếp tục giao cháu Nh cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ. Anh T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các điều 82, 83, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật là 745.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 6 năm 2021.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí thì chị L và anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh T. Anh T có địa chỉ cư trú tại huyện ĐH. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị Lê Thị Mỹ L có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Lê Thị Mỹ L.

Anh Hồ Minh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Hồ Minh T.

[2] Về nội dung vụ án: chị L và anh T cưới nhau vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Thành, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 03/3/2020 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị L và anh T lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân khoảng 01 năm. Trong thời gian qua cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Điều này

chứng tỏ mâu thuẫn trong hôn nhân của anh chị đã rất trầm trọng, cuộc sống chung của anh chị là không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào các Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T là hoàn T phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: chị Lê Thị Mỹ L xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Trọng Nh, sinh ngày 25/12/2020, hiện đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy khi quyết định giao con cho người nào trực tiếp nuôi con khi ly hôn thì phải xem xét mọi mặt để đảm bảo sự phát triển về vật chất lẫn tinh thần của con, trong khoảng thời gian vợ chồng sống xa nhau thì chị L là người trực tiếp nuôi con. Mặt khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...”, tính đến thời điểm xét xử cháu Nh được khoảng 06 tháng tuổi. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét tiếp tục giao con cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn là có căn cứ.

Anh Hồ Minh T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 745.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Theo quy định tại các Điều 82, 83, 110 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì chị L có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, đây thể hiện trách nhiệm làm cha, mẹ đối với con chưa thành niên; Do đó, chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con là mỗi tháng là 745.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật, từ đó cần buộc anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 745.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động như ý kiến đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp quy định pháp luật

Về tài sản chung và nợ chung: chị Lê Thị Mỹ L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về Án phí: chị L và anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ L; Xử cho chị Lê Thị Mỹ L được ly hôn với anh Hồ Minh T.

2/. Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Lê Trọng Nh, sinh ngày 25/12/2020 cho chị Lê Thị Mỹ L nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, cháu Nh hiện đang sống với chị L được giữ nguyên.

Anh Hồ Minh T được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Hồ Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Trọng Nhân, sinh ngày 25/12/2020 mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu Nhân tròn 18 tuổi và có khả năng lao động, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 6/2021. Việc cấp dưỡng được thi hành ngay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

5/. Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011624 ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Hồ Minh T phải nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Lê Thị Mỹ L và anh Hồ Minh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện ĐH;
- THA huyện ĐH
- UBND xã ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng Diễm

